CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khoáng sản Bình Định

Ngày 30/09/2025	17,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**-2.2%**	**-**

DT thuần
Q3/25
39.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.3| 45.1%
YoY: ▼7.10| -15.2%

LN thuần
Q3/25
5.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.88| 53.4%
YoY: ▼2.34| -30.1%

LN sau thuế
Q3/25
4.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.38| 48.0%
YoY: ▼1.86| -30.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
13.7%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM)
Q3/25
7.0%
YoY: +/-▼ 1.0%

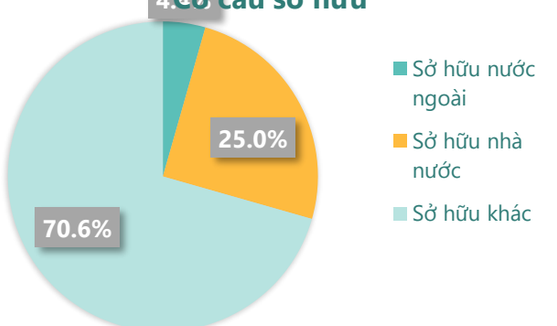
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,650 - 30,413
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	216
Số lượng CPLH (CP)	12,392,630
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,130
Sở hữu nước ngoài	4.4%
Beta	0.99
EPS	1,287
P/E	13.6

DT thuần
9T 2025
78.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼56.4| -41.8%

LN thuần
9T 2025
10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.0| -54.2%

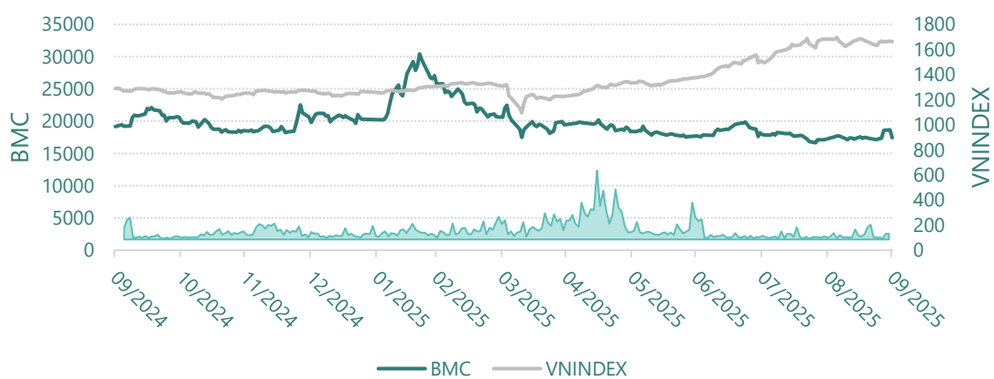
LN sau thuế
9T 2025
8.04
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.56| -54.4%

Cơ cấu sở hữu

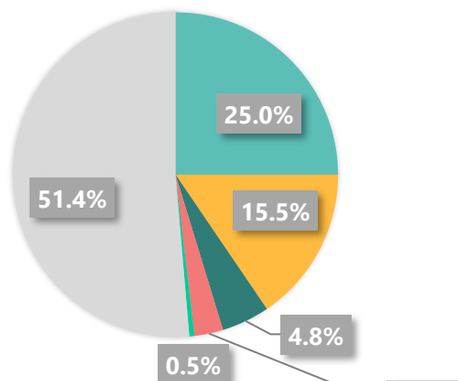


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



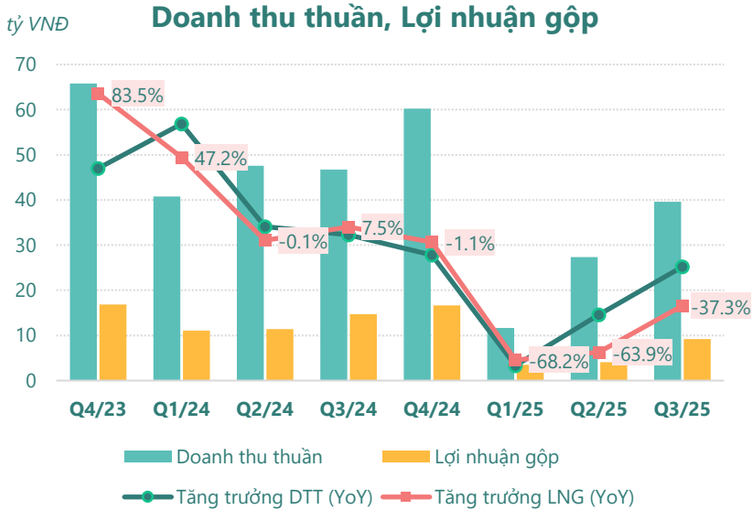
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

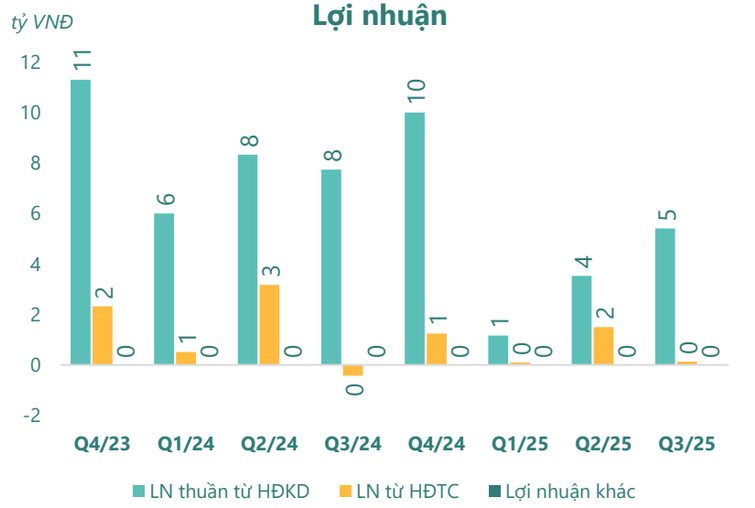
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



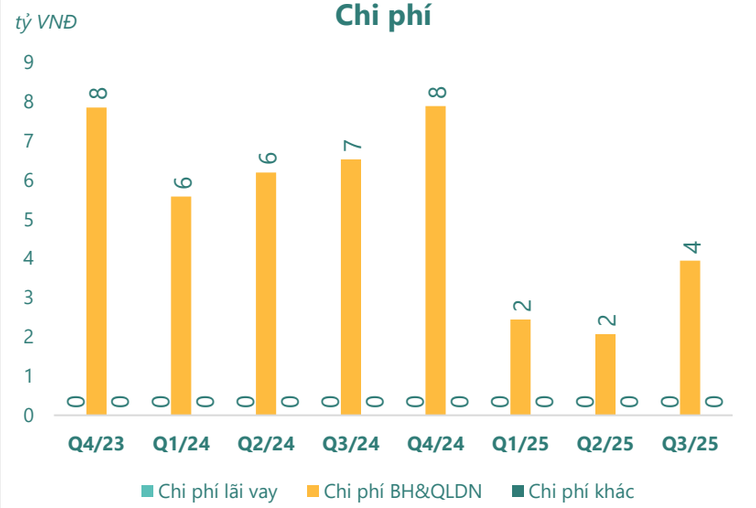
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



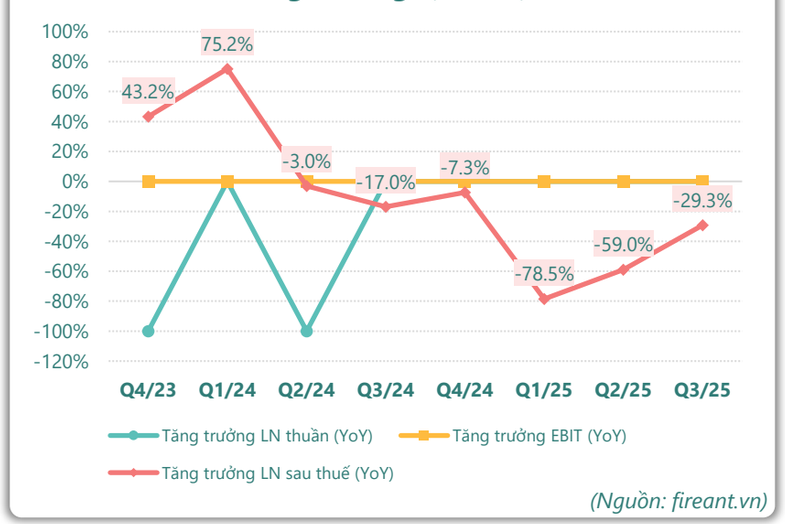
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



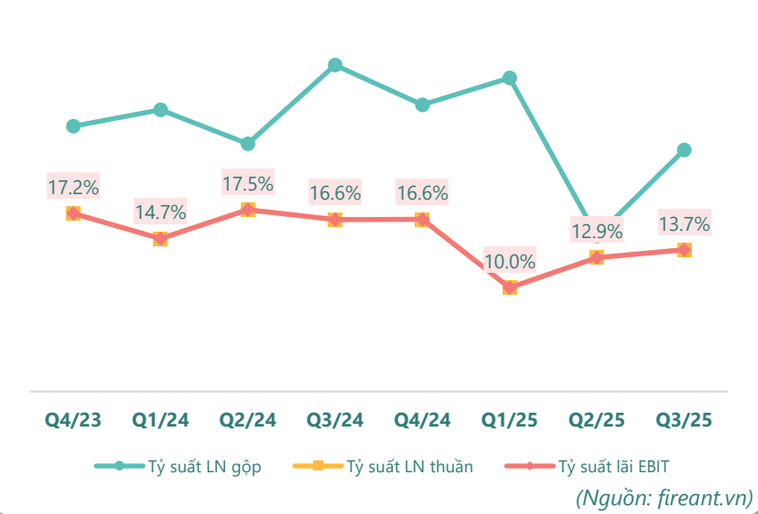
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



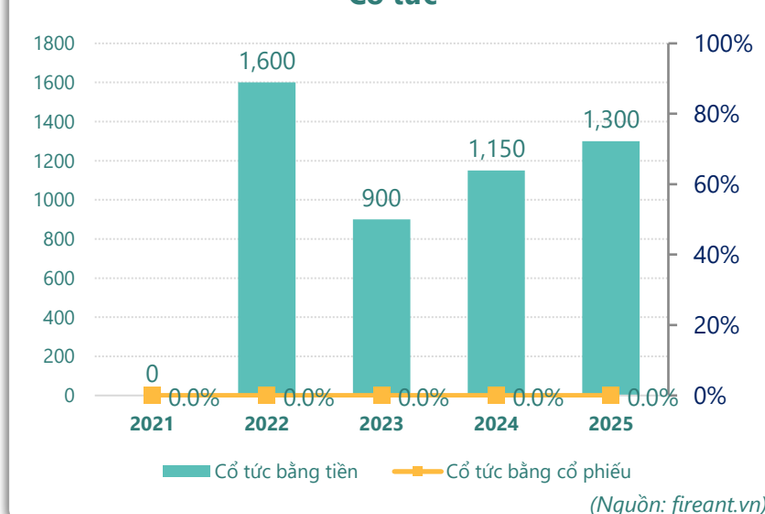
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

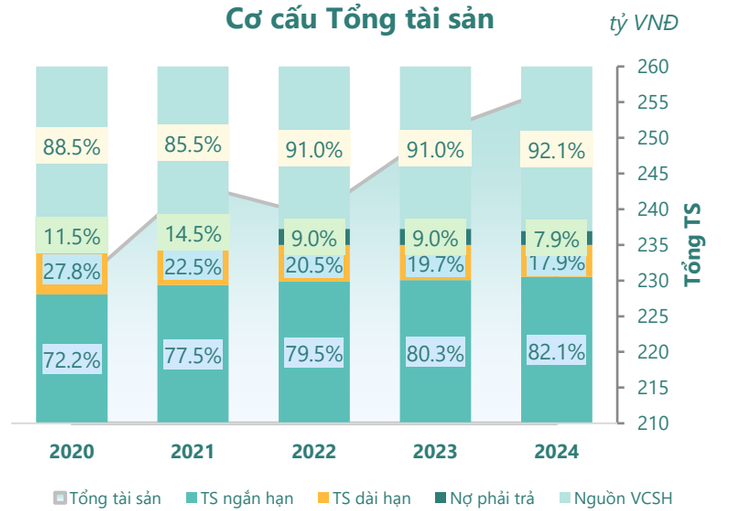
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

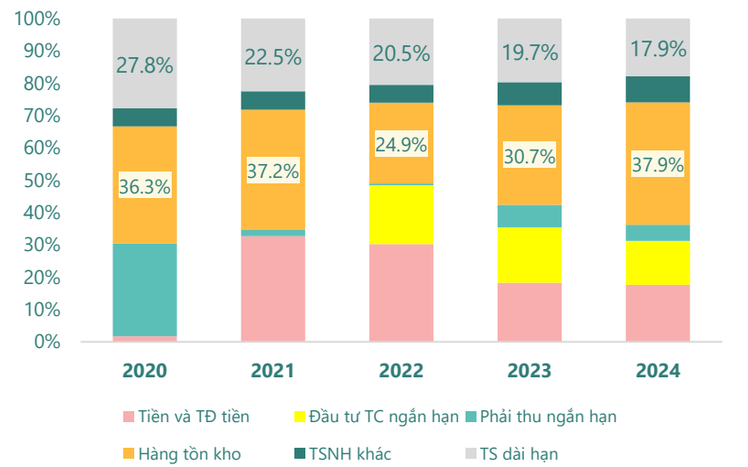
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



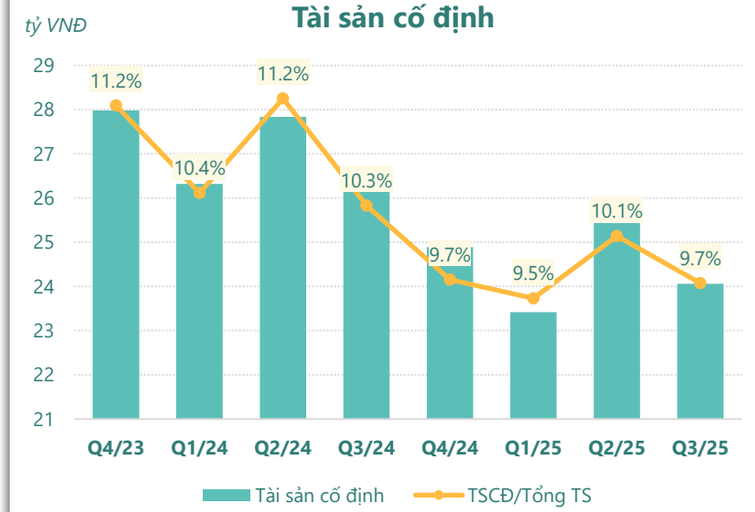
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



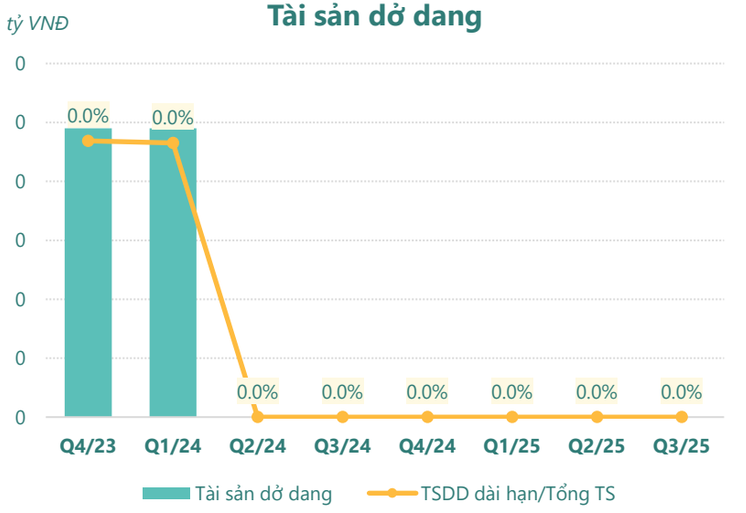
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



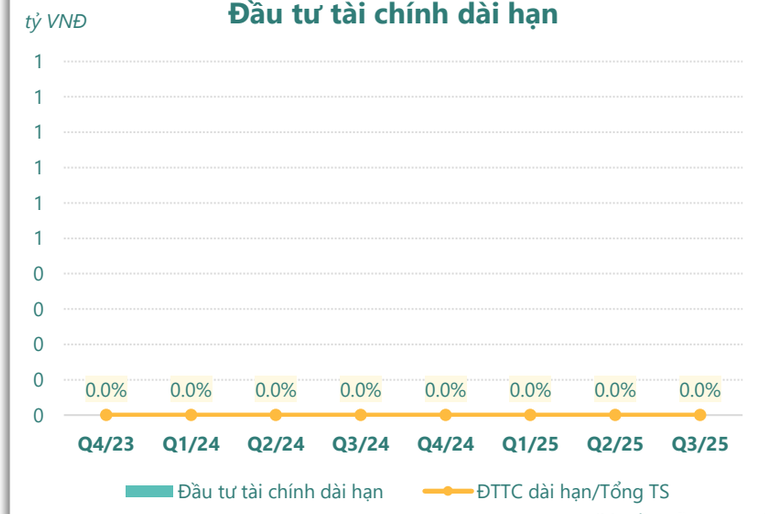
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



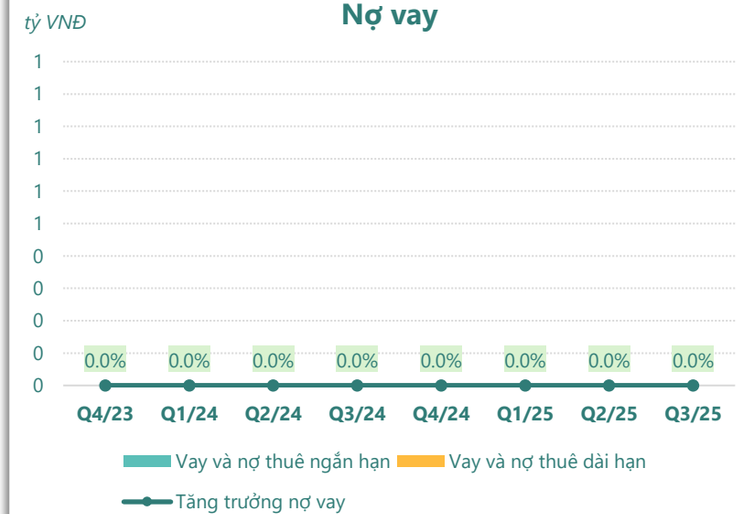
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

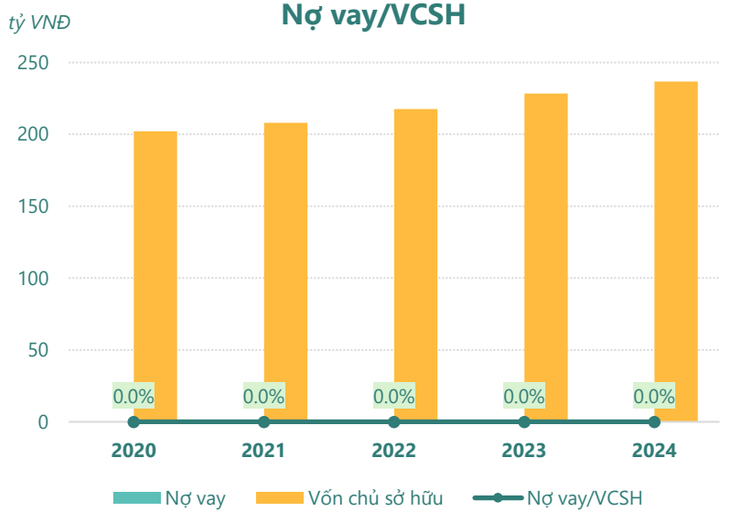
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

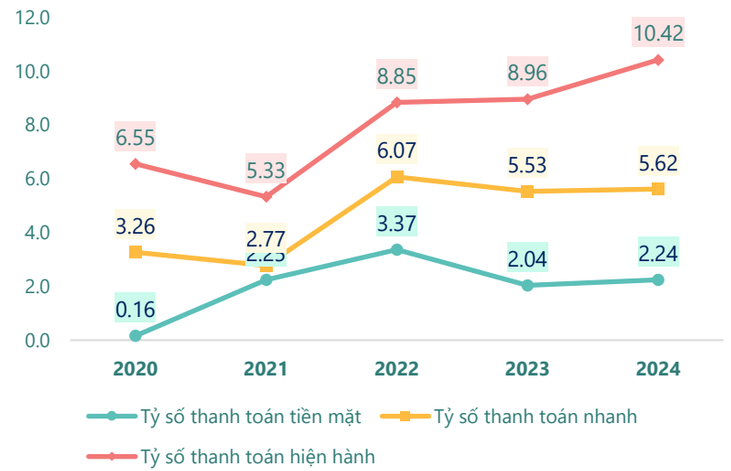
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



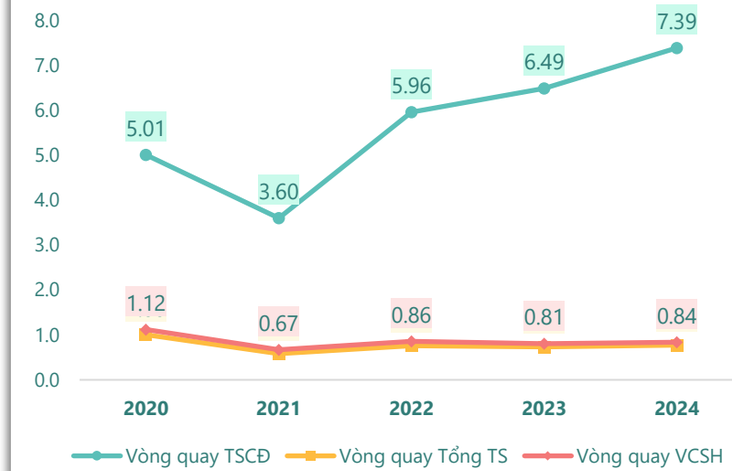
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



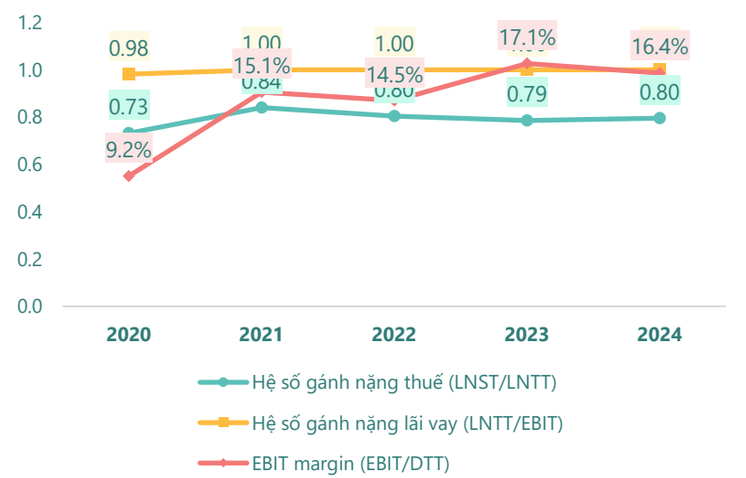
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



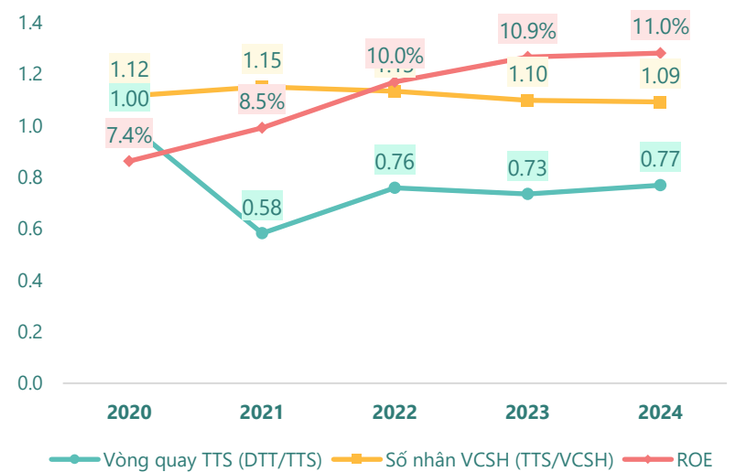
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



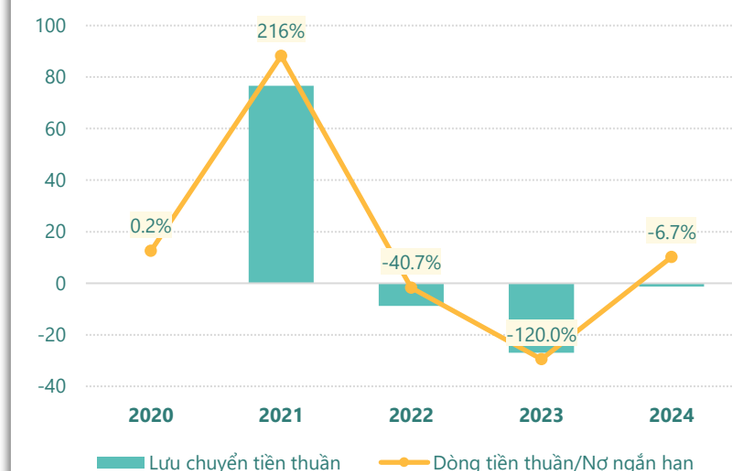
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**39.6**	**46.7**	**-15.2%**	**78.6**	**135**	**-41.8%**
Giá vốn hàng bán	30.4	32.0	-5.1%	61.7	97.9	-37.0%
Lợi nhuận gộp	9.22	14.7	-37.2%	16.8	37.2	-54.7%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.01	1218%	1.72	3.69	-53.3%
Chi phí TC	0	0.44	-100%	0	0.44	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.95	1.67	-43.0%	2.53	4.79	-47.2%
Chi phí QLDN	**2.99**	**4.86**	**-38.5%**	**5.93**	**13.5**	**-56.1%**
LN thuần từ HĐKD	5.41	7.75	-30.1%	10.1	22.1	-54.2%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	5.41	7.75	-30.1%	10.1	22.1	-54.2%
Lợi nhuận sau thuế	**4.26**	**6.12**	**-30.4%**	**8.04**	**17.6**	**-54.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.26**	**6.12**	**-30.4%**	**8.04**	**17.6**	**-54.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.63	0.04	-5.69	-14.9	-0.51	14.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.12	-0.31	9.34	0.00	-3.60	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.3	0	0	0	0	-16.1
Tiền đầu kỳ	52.7	41.6	41.4	45.4	30.5	26.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.7**	**-0.27**	**3.66**	**-14.9**	**-4.11**	**-1.81**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.64	0	0.32	0	0.42	0
Tiền cuối kỳ	41.6	41.4	45.4	30.5	26.8	25.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**249**	**257**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	205	211	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	25.0	45.4	-44.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.0	35.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	6.69	12.7	-47.5%
Hàng tồn kho	116	97.3	19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	20.6	9.5%
Tài sản dài hạn	**44.0**	**46.0**	**-4.4%**
Phải thu dài hạn	7.93	7.93	0.0%
Tài sản cố định	24.1	24.9	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**12.0**	**13.2**	**-9.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	24.0	20.2	18.4%
Nợ ngắn hạn	**24.0**	**20.2**	**18.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.72	0.83	589%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**225**	**237**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**225**	**237**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)